|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD-ĐT TP. HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT**  **NGÔ THỜI NHIỆM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10**

**NĂM HỌC: 2022-2023**

**Thời gian: 60 phút**

**I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**

- Đánh giá các khả năng học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

- Kiểm tra sự tiến bộ của học sinh so với ban đầu và so với các đợt kiểm tra trước đó.

- Xác định việc đạt kiến thức kĩ năng theo mục tiêu của chương trình giáo dục.

- Đánh giá xếp hạng giữa các học sinh với nhau.

**II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức:** Đánh giá kết quả tiếp thu kiến thức của HS qua các chủ đề: ***Chủ đề 6:*** *Vận động cộng đồng cùng tham gia các hoạt động xã hội*, ***chủ đề 7:*** *Tìm hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của địa phương*, ***chủ đề 8:*** *Định hướng học tập và rèn luyện theo nhóm nghề lựa chọn* và ***chủ đề 9:*** *Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và môi trường tự nhiên.*

**2. Kĩ năng:** Bày tỏ quan điểm, tạo thiện cảm trong giao tiếp, làm việc nhóm, phân biệt thông tin, giải quyết vấn đề và xử lí tình huống.

**3. Thái độ**: Đánh giá thái độ rèn luyện tham gia các hoạt động trải nghiệm và nhận thức của học sinh.

**4. Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kĩ năng**: Năng lực thích ứng với cuộc sống; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động; năng lực định hướng nghề nghiệp; năng lực đặc thù. Từ đó, bồi dưỡng thêm các phẩm chất tốt đẹp của người học sinh.

**III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA**

**1.** **Hình thức:** Làm sản phẩm nhóm (*dạng video*)

**2.** **Cách thức tổ chức kiểm tra**: Học sinh thực hiện sản phẩm trong thời gian quy định và báo cáo trước lớp theo kế hoạch kiểm tra của Nhà trường.

**IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung theo chuẩn kiến thức**  **kĩ năng** | **Nhận biết**  *(1.0đ)* | **Thông hiểu**  *(2.0đ)* | **Vận dụng thấp**  *(3.0 đ)* | **Vận dụng cao**  *(4.0đ)* |
| **Chủ đề 6:**  ***Vận động cộng đồng cùng tham gia các hoạt động xã hội*** | - Biết cách thu hút các bạn vào hoạt động chung | - Hiểu được tầm quan trọng của văn hóa ứng xử nơi công cộng | - Lập được kế hoạch tuyên truyền trong cộng đồng về văn hóa ứng xử nơi công cộng | - Thực hiện được kế hoạch tuyên truyền trong cộng đồng về văn hóa ứng xử nơi công cộng |
| **Chủ đề 7:**  ***Tìm hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của địa phương*** | - Biết được những hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương và biết cách tìm hiểu các thông tin về nhóm nghề mình quan tâm, yêu cầu về năng lực và phẩm chất theo nhóm nghề | - Hiểu được phẩm chất và năng lực cần có của người lao động thông qua trải nghiệm một nghề cụ thể và yêu cầu của nhà tuyển dụng | - Định hướng nghề nghiệp cho bản thân, nắm rõ thông tin các trường có đào tạo ngành nghề đó. | - Đánh giá được nhu cầu của xã hội đối với các nghề và sự phát triển của các nghề đó trong xã hội |
| **Chủ đề 8:**  ***Định hướng học tập và rèn luyện theo nhóm nghề lựa chọn*** | - Biết đánh giá được sự phù hợp của bản thân với nhóm nghề định lựa chọn.  - Xác định được một số thông tin cơ bản về hệ thống trường đào tạo liên quan đến nghề định lựa chọn. | - Tham vấn ý kiến thầy cô, gia đình, bạn bè về dự định lựa chọn nghề và định hướng học tập của bản thân. | - Xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện bản thân theo định hướng nghề nghiệp.  - Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, rèn luyện theo nhóm nghề lựa chọn. | - Lựa chọn đươc cách rèn luyện phù hợp về phẩm chất và năng lực cần thiết cho nhóm nghề định lựa chọn. |
| ***Chủ đề 9:***  ***Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và môi trường tự nhiên.*** | - Biết nhận xét, đánh giá được các hành vi, việc làm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. | - Hiểu và phân tích được thực trạng môi trường tự nhiên tại địa phương; tác động của con người tới môi trường tự nhiên. | - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch tuyên truyền, kêu gọi mọi người chung tay bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.  - Thuyết trình được với các đối tượng khác nhau về ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường tự nhiên. | - Đề xuất được và tham gia thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên. |
| **Tổng số câu hỏi** | **1** | | **1** | |
| **Tỉ lệ** | **30%** | | **70%** | |
| **Tổng điểm** | **3.0đ** | | **7.0đ** | |

**V. THANG ĐÁNH GIÁ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại** | **Mức đạt được** |
| **Đạt (Đ)** | - Vận dụng ở mức độ cao: Từ 9,0 đến 10 đ |
| - Vận dụng ở mức độ thấp: Từ 7,0 đến 8đ |
| - Thông hiểu: Từ 5,0 đến 6 đ |
| **Chưa đạt (CĐ)** | - Nhận biết: Dưới 5,0 đ |